

Số: 45/2024/QĐST-HNGĐ

Ô Môn, ngày 27 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 317/2023/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khu vực H, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.
- Bị đơn: Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khu vực H, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Thanh T thống nhất tài sản chung là tổng diện tích đất là $1.130m^2$ ($50m^2$ đất ở đô thị thuộc thửa 193 và $1.080m^2$ đất trồng lúa thuộc thửa 187) và căn nhà cấp 4 xây dựng trên diện tích đất ở đô thị $50m^2$ tại thửa 193 do ông B đang sử dụng. Ông B và bà T thống nhất thỏa thuận phân chia cụ thể như sau:

- Đối với diện tích đất $1.080m^2$ đất trồng lúa tại thửa 187, tờ bản đồ số 47, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02822 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/8/2018, chỉnh lý ngày 29/7/2020 do ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Thanh T đứng tên. Đất tọa lạc tại Khu vực H, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ:

+ Ông B và bà T thống nhất chia cho bà T phần đất thực tế diện tích 500m^2 (có $47,5\text{m}^2$ trong HLATGT) tại vị trí B theo Bản trích đo địa chính số 217/TTKTTNMT ngày 02/02/2024 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ.

+ Ông B và bà T thống nhất tiếp tục ổn định cho ông B sử dụng diện tích 580m^2 (có $59,5\text{m}^2$ trong HLATGT) tại vị trí A theo Bản trích đo địa chính số 217/TTKTTNMT ngày 02/02/2024 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ.

+ Tài sản trên đất tại thửa 187 do ông B đang quản lý, sử dụng. Bà T và ông B thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Đối với phần đất và căn nhà cấp 4 xây dựng trên diện tích đất ở đô thị 50m^2 tại thửa 193, tờ bản đồ số 47, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02821 do Ủy ban nhân dân quận Ô cấp ngày 23/8/2018 do ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Thanh T đứng tên. Đất tọa lạc tại Khu vực H, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ. Diện tích thực tế theo Bản trích đo địa chính số 217/TTKTTNMT ngày 02/02/2024 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ:

+ Bà T và ông B thống nhất: Tiếp tục ổn định cho ông B sử dụng phần đất tại thửa 193 theo Bản trích đo địa chính số 217/TTKTTNMT ngày 02/02/2024 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ do ông B đang quản lý, sử dụng.

+ Bà T và ông B thống nhất: Tiếp tục ổn định cho ông B sử dụng tài sản trên đất tại thửa 193 là căn nhà cấp 4, diện tích: $4,46\text{m} \times 17,4\text{m} = 77,6\text{m}^2$, kết cấu: cột bê tông cốt thép, vách tường, mái tole, nền gạch men, trần xốp, xây dựng năm 2018 (theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/12/2023) do ông B đang quản lý, sử dụng, có giá trị là 112.370.203 đồng (Một trăm mười hai triệu ba trăm bảy mươi ngàn hai trăm lẻ ba đồng) (theo Biên bản định giá ngày 28/12/2023).

Bà T và ông B được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký và điều chỉnh diện tích sử dụng và thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

(Gửi kèm Bản trích đo địa chính số 217/TTKTTNMT ngày 02/02/2024 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ)

- Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và lệ phí trích đo địa chính: Nguyên đơn tự nguyện chịu, đã thực hiện xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất nguyên đơn tự nguyện chịu án phí chia tài sản chung sau khi ly hôn như sau:

Nguyên đơn phải nộp tổng số tiền 7.545.255 đồng (Bảy triệu năm trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm năm mươi lăm đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0004270 ngày 07/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn. Nguyên đơn phải nộp thêm số tiền 45.255 đồng (Bốn mươi lăm ngàn hai trăm năm mươi lăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Ô;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Lê Thị Thúy Hằng